

Số: 84/QĐ-UBND

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 7 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Xuân Lộc

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;*

*Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Xuân Lộc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 93/QĐ-UBND vào ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã.

**Điều 3.** Văn phòng – Thống kê UBND, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND huyện Phú Lộc (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- BTT. UBMTTQVN xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu VT, BCĐ ISO.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Sinh**

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 7 năm 2021

**DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HTQLCL TƯƠNG ỨNG VỚI TIÊU  
CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC CÔNG BỐ**

**TẠI UBND XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 84/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Xuân Lộc)

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ TÀI LIỆU
<b>A</b>	<b>Các tài liệu bắt buộc của hệ thống</b>	
1	Chính sách chất lượng	
2	Mục tiêu chất lượng (MTCL), Kế hoạch thực hiện MTCL.	
3	Sổ tay chất lượng	STCL
4	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-ISO-KSTL
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-ISO-KSHS
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ISO-ĐGNB
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-ISO-KSKPH
8	Quy trình hành động khắc phục	QT-ISO-HĐKP
9	Quy trình giải quyết rủi ro và cơ hội	QT-ISO-GQRR&CH
<b>B</b>	<b>Các quy trình nội bộ</b>	
1	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả	QT-ISO-TN&TKT
2	Quy trình họp xem xét lãnh đạo	QT-HXXLD
3	Quy trình tiếp nhận, phát hành văn bản đi của cơ quan	QT-TNPHVBD
4	Quy trình quản lý văn bản đến của cơ quan	QT-QLVBD
5	Quy trình quản lý thông tin nội bộ	QT-QLTTNB
6	Quy trình quản lý mua sắm tài sản	QTQLMSTS
<b>C</b>	<b>Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính</b>	
<b>I</b>	<b>LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (02 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
	<b>1.Lĩnh vực Người có công</b>	
1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-VH-01
2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT-VH-02
	<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (08 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
3	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây	QT-LĐTBOXH-17

	tôn hại cho trẻ em	
4	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-LĐTBOXH-18
5	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-LĐTBOXH-19
6	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT-LĐTBOXH-20
7	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-LĐTBOXH-21
8	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-LĐTBOXH-22
	<b>3.Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
9	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT-LĐTBOXH-05
10	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-LĐTBOXH-06
11	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-LĐTBOXH-07
12	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-LĐTBOXH-08
13	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT-LĐTBOXH-09
14	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT-LĐTBOXH-10
15	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT-LĐTBOXH-11
16	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”	
	<b>4.Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
17	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT-LĐTBOXH-16
18	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT-LĐTBOXH-15
19	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	QT-LĐTBOXH-14
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
20	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-GD&ĐT-03
21	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GD&ĐT-04
22	Thành lập trẻ, lớp, mẫu giáo độc lập	
23	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-GD&ĐT-02
24	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-GD&ĐT-01

<b>III</b>	<b>VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
25	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT-VH&TT-01
26	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	QT-VH&TT-02
27	Thủ tục xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	QT-VH&TT-03
28	Đăng ký hoạt động thư viện, tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản	QT-VH&TT-04
29	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-VH&TT-05
<b>IV</b>	<b>Y TẾ (01 TTHC)</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
30	Xét hướng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-YT-01
<b>V</b>	<b>NỘI VỤ</b>	<b>Văn phòng UBND</b>
	<b>1.Lĩnh vực tôn giáo (10 TTHC)</b>	
31	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TG -01
32	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
33	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
34	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
35	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-02
36	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
37	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-03
38	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
39	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
40	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
	<b>2. Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng (04 TTHC)</b>	
41	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-TĐKT-01
42	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	
43	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT-TĐKT-02
44	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
<b>VI</b>	<b>NÔNG NGHIỆP&amp;PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 TTHC)</b>	<b>Địa chính- xây dựng</b>
45	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	QT-NN&PTNT-01
46	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi	QT-NN&PTNT-02

	công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-NN&PTNT-03
48	Hỗ trợ đầu tư xây dựng và phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu, tiết kiệm nước (đối với nguồn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện	QT-NN&PTNT-04
	<b>2. Lĩnh vực khuyến nông (01TTHC)</b>	<b>Địa chính – xây dựng</b>
49	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-KN-01
<b>VII</b>	<b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)</b>	<b>Địa chính – xây dựng</b>
	<b>1.Lĩnh vực môi trường (01 TTHC)</b>	
50	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT-MT-01
	<b>2. Lĩnh vực đất đai (02TTHC)</b>	
	<b>Mục 1.Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	
51	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT-ĐĐ-01
52	Cung cấp dữ liệu đất đai	QT-ĐĐ-02
	<b>Mục 2:Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC) Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp tại UBND cấp xã</b>	<b>Địa chính – xây dựng</b>
53	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-ĐĐ-01
54	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-02
55	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT-ĐĐ-03
56	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT-ĐĐ-04
57	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-ĐĐ-05
58	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT-ĐĐ-06

59	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT-ĐĐ-07
60	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT-ĐĐ-08
61	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-ĐĐ-09
62	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-ĐĐ-10
63	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT-ĐĐ-11
64	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT-ĐĐ-12
65	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT-ĐĐ-13
66	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT-ĐĐ-14
67	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở	QT-ĐĐ-15
68	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-ĐĐ-16
69	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và	QT-ĐĐ-17

	chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	
70	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-ĐĐ-18
71	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	QT-ĐĐ-19
72	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT-ĐĐ-20
73	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	QT-ĐĐ-21
<b>VIII</b>	<b>TƯ PHÁP (42TTHC)</b>	Tư pháp – hộ tịch
	<b>1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)</b>	
74	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-TP-01
75	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	QT-TP-02
	<b>2. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)</b>	<b>Tư pháp – hộ tịch</b>
76	Công nhận hòa giải viên	QT-TP-01
77	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT-TP-02
78	Thôi làm hòa giải viên	QT-TP-03
79	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-TP-04
	<b>3. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (01 TTHC)</b>	
80	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT-TP-01
	<b>4.Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)</b>	<b>Tư pháp – hộ tịch</b>
81	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CT-06
82	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CT-07
83	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	QT-CT-08
84	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-CT-03
85	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CT-09
86	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-CT-01
87	cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-CT-05
88	Thủ tục chứng thực di chúc	QT-CT-02
89	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-04

90	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
91	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
	<b>5. Lĩnh vực hộ tịch (20 TTHC)</b>	<b>Tư pháp – hộ tịch</b>
92	Đăng ký kết hôn	QT-HT-10
93	Đăng ký khai sinh	QT-HT-11
94	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT-HT-13
95	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
96	Đăng ký khai tử	QT-HT-12
97	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
98	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
99	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-16
100	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-17
101	Đăng ký giám hộ	QT-HT-18
102	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-HT-19
103	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-HT-
104	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-HT-20
105	Đăng ký lại khai sinh	QT-HT-
106	Đăng ký khai sinh cho người có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-HT-
107	Đăng ký lại kết hôn	QT-HT-
108	Đăng ký lại khai tử	QT-HT-
109	Cấp bản sao các giấy tờ trích lục từ hộ tịch	QT-HT-
110	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-
111	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-
	<b>6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (03 TTHC)</b>	<b>Tư pháp – hộ tịch</b>
112	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-01
113	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02
114	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-NCN-03
<b>IX</b>	<b>QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 TTHC)</b>	<b>Địa chính – xây dựng</b>
115	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-QLATĐHCTĐ-01



116	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-QLATĐHCTĐ-02
<b>X</b>	<b>1.Lĩnh vực Khiếu nại tố cáo (01 TTHC)</b>	<b>Văn phòng UBND xã</b>
117	Thủ tục giải quyết tố cáo	QT-KN-TC- 01
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC DSKHHGD</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
118	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-DSKHHGD-01
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt (01 TTHC)</b>	Địa chính- xây dựng
118	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	QT-TT - 01
<b>XIII</b>	<b>LỊCH VỰC QUÂN SỰ</b>	<b>Quân sự</b>
	<b>1. Lĩnh vực động viên quân đội</b>	
119	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp hết hạn trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội	QT-LLĐVQĐ-01
120	Xóa thủ tục đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội	
	<b>2.Lĩnh vực bảo hiểm xã hội</b>	
121	Thủ tục giải quyết chế độ Hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên xuất ngũ	QT-BHXH-02
122	<b>3.Lĩnh vực dân quân tự vệ</b>	
123	Thủ tục trợ cấp đối với quân nhân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân tai nạn đến chết	QT-DQTV-03
124	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	
	<b>4. Lĩnh vực nghĩa vụ quân sự</b>	
125	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự	QT-NVQS-04
126	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	
127	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	
128	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
129	Thủ tục đăng ký quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
130	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	
131	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	
	<b>5. Lĩnh vực chính sách</b>	<b>Văn hóa – xã hội</b>
132	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất	QT-CS-05

	ngũ, thôi việc	
133	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	
<b>XIV</b>	<b>LĨNH VỰC CẤP SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI, THẺ BHYT</b>	
134	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế	
<b>XV</b>	<b>LĨNH VỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI</b>	
135	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	QT-CSBHXH-01
136	Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần	QT-CSBHXH-02
137	Giải quyết hưởng lương hưu trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã	QT-CSBHXH-03
138	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích	QT-CSBHXH-04
139	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/200/QĐ-TTg, Quyết định số 163/QĐ-TTg	QT-CSBHXH-05
140	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24/01/2020 của Chính phủ, quyết định số 52/2013/QĐ-TTg ngày 30/8/2013.	QT-CSBHXH-06
	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA MỘT CỬA LIÊN</b>	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC)</b>	<b>Văn phòng UBND</b>
1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-01
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-01
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21 TTHC)</b>	
3	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC 01
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT-NCC 02
5	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT-NCC 03
6	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT-NCC 04
7	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCC 05
8	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	QT-NCC 06

9	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT-NCC 07
10	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT-NCC 08
11	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT-NCC 09
12	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT-NCC 10
13	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT-NCC 11
14	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC 12
15	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC 13
16	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC 14
17	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC 15
18	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT-NCC 16
19	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-NCC 17
20	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-NCC 18
21	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-NCC 19
22	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QT-NCC 20
23	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-NCC 21
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>	
24	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-BTXH-01
25	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-BTXH-01
26	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi	QT-BTXH-01

	con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
27	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-01
28	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT-BTXH-01
29	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-BTXH-01
30	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT-BTXH-01
31	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-BTXH-01
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)</b>	Địa chính- xây dựng
32	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-NN&PTNT-01
33	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-NN&PTNT-02